



TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN BÌNH MINH, CAO TẤN HUY

Nghiên cứu sử dụng phương pháp Bayes với dữ liệu các quốc gia trên thế giới để đưa ra kết luận về tác động của của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển bền vững. Sau đó, kết quả nghiên cứu trên được chọn làm thông tin để hồi quy mô hình với dữ liệu Việt Nam giai đoạn 2005-2022. Kết quả hồi quy mô hình nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có tác động ngược chiều đến phát triển bền vững (SDGI) với xác suất 65,33%. Tương tự, các biến kiểm soát mất cân bằng phân cấp tài khóa (VIF), phân cấp chi tài khóa (ED), phát triển tài chính (FD), tăng trưởng kinh tế (GDP), tỷ lệ thất nghiệp (UN), chất lượng thể chế (RQ) và tốc độ tăng dân số (POP) cũng cho ra kết quả tác động âm đến phát triển bền vững. Ngược lại, các biến phân cấp thu tài khóa (RD), doanh thu thuế (TAX), lạm phát (INF) và độ mở thương mại (OPEN) có tác động thuận chiều với phát triển bền vững. Từ kết quả đạt được, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý chính sách về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm hướng tới phát triển bền vững.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, phát triển bền vững, Việt Nam

IMPACT OF FOREIGN DIRECT INVESTMENT ON THE SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN VIETNAM

Nguyen Binh Minh, Cao Tan Huy

The study uses Bayesian methods with data from countries worldwide to conclude the impact of foreign direct investment (FDI) on sustainable development. Then, the research results are used to regress a model with data from Vietnam from 2005-2022. The regression results for Vietnam show that FDI has a negative impact on sustainable development (SDGI) with a probability of 65.33%. Similarly, variables such as fiscal decentralization imbalance control (VIF), fiscal expenditure decentralization (ED), financial development (FD), economic growth (GDP), unemployment rate (UN), regulation quality (RQ), and population growth rate (POP) also negatively impact sustainable development. In contrast, variables such as fiscal revenue decentralization (RD), tax revenue (TAX), inflation (INF), and trade openness (OPEN) positively impact sustainable development. Based on these results, the study offers several policy implications for attracting foreign direct investment towards sustainable development.

Keywords: Foreign direct investment, sustainable development, Vietnam

Ngày nhận bài: 15/5/2024

Ngày hoàn thiện biên tập: 7/6/2024

Ngày duyệt đăng: 19/6/2024

Giới thiệu

Lịch sử nhân loại đã chứng kiến nhiều biến động lớn về kinh tế, chính trị và nhiều phương diện của đời sống xã hội như: Khủng hoảng tài chính châu Á (1997); khủng hoảng bong bóng dotcom (2000); khủng hoảng kinh tế toàn cầu (2008); đại dịch COVID-19 (2019) và xung đột chính trị Nga - Ukraina (2022)... Những cuộc khủng hoảng và xung đột này đã gây ra tác động tiêu cực đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Thời gian qua, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả phát triển quan trọng. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 5,1%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ, các khía cạnh xã hội được cải thiện. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được thì quá trình phát triển cũng đã bộc lộ một số biểu hiện và các nguy cơ thiếu bền vững như: Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng và chưa đủ cao để tạo ra sự cải thiện vượt bậc trong thực hiện tiến bộ xã hội, chất lượng tăng trưởng chưa cao, việc gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với sử dụng tài nguyên, chất lượng môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu có một số nội dung mức độ bảo đảm chưa cao...

Dữ liệu từ Cục Đầu tư Nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho thấy, tính đến nay, cả dự án mới và vốn đăng ký mới tại Việt Nam đều tăng mạnh. Tuy nhiên, không ít các dự án FDI chất lượng không



cao, một nghiên cứu từ Ngân hàng Thế giới (WB) cho thấy, 90% các dự án FDI vào Việt Nam thường có vị trí đắc địa gần sông, hồ để thuận tiện cho xả thải, gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống nhân dân trên địa bàn như: Vedan Đồng Nai, Nhiệt điện Vĩnh Tân, Formosa Hà Tĩnh... Hay như tình trạng ô nhiễm do nước thải công nghiệp kết hợp với nước thải đô thị đã gây ô nhiễm nghiêm trọng cho nhiều kênh rạch ở vùng ven TP. Hồ Chí Minh. Những lý do trên cho thấy, việc nghiên cứu: “Tác động đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển bền vững tại Việt Nam” là rất cần thiết. Từ đó, có thể đưa ra những khuyến nghị về chính sách thu hút FDI hướng đến phát triển bền vững tại Việt Nam.

Các nghiên cứu thực nghiệm

Liên quan đến chủ đề đóng góp của FDI đến phát triển bền vững về kinh tế hiện có các nghiên cứu của: Değer và Emsen (2006), Campos và Kinoshita (2002), Nadeem Iqbal và cộng sự (2014), Rahaman và Chakraborty (2015). Gần đây, các nghiên cứu của Samborskyi và cộng sự (2020), Burlea-Schiopoiu và cộng sự (2023) cho thấy vai trò của FDI đến tăng trưởng kinh tế.

Hiện nay, có nhiều nghiên cứu liên quan đến đóng góp của FDI đến phát triển bền vững về môi trường như: Tác động FDI để thúc đẩy môi trường (Ayamba và cộng sự, 2020); Phát triển bền vững thông qua động lực từ FDI lên năng lượng tái tạo (Samour và cộng sự, 2022); Tác động FDI lên tăng trưởng xanh thúc đẩy phát triển bền vững (Yue, 2016). Trong một nghiên cứu thực nghiệm của Kostakis và cộng sự (2017) sử dụng phân tích đa biến của các mô hình khác nhau (ARDL, FMOLS, OLS) để đo lường vai trò của FDI dòng vào chất lượng môi trường, các tác giả cho rằng ngành FDI có tác động đáng kể đến ô nhiễm môi trường. Một cuộc điều tra đa biến dựa trên mô hình độ trễ phân phối tự hồi quy của Kiviyiro và Arminen (2014) đã được thực hiện trên sáu quốc gia châu Phi cận Sahara (Cộng hòa Congo, Cộng hòa Dân chủ Congo, Kenya, Nam Phi, Zambia và Zimbabwe) để xác định mối liên kết giữa CO₂, tiêu thụ năng lượng, tăng trưởng kinh tế và FDI. Kết quả cho thấy, sự tồn tại các mối quan hệ này với nhau đối với ba quốc gia là Cộng hòa Dân chủ Congo, Kenya và Zimbabwe. Trần Thị Kim Oanh và cộng sự (2023) nghiên cứu tác động mối quan hệ giữa FDI và tài chính xanh đến phát triển bền vững tại 54 quốc gia trên thế giới giai đoạn 2008-2021 bằng phương pháp Bayes. Kết quả cho thấy,

FDI tác động tiêu cực đến phát triển bền vững, tuy nhiên khi xét đến vai trò tài chính xanh thì mối quan hệ này thúc đẩy phát triển bền vững.

Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Mô hình

Sau quá trình tổng hợp và xem xét các nghiên cứu thực nghiệm đã có, tác giả kế thừa những nghiên cứu S. Guo và cộng sự (2020), Trần Thị Kim Oanh và cộng sự (2023) để thiết lập mô hình nghiên cứu như sau:

$$SDGI_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 FDI_{i,t} + \beta_x X_{i,t} + \epsilon_{i,t} \quad (3.1)$$

Trong đó:

SDGI: phát triển bền vững

FDI: đầu tư trực tiếp nước ngoài.

X_(i,t): là vecto các biến kiểm soát .

i = 1, 2,... ; t = 1, 2,... T với i là quốc gia và t là thời gian

Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu

Bài viết sử dụng các kỹ thuật phân tích hồi quy Bayes (theo dữ liệu bảng). Cách tiếp cận Bayes dựa trên giả định rằng mẫu dữ liệu quan sát được là cố định và thông số của mô hình là ngẫu nhiên. Phân phối hậu nghiệm của các thông số sẽ được ước tính dựa trên mẫu quan sát được và phân phối tiên nghiệm của thông số đó và sử dụng nó để diễn giải kết quả.

Các số liệu sử dụng được thu thập từ WB, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính công bố hằng năm.

Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả nghiên cứu tại các quốc gia trên thế giới

Kiểm định đối với hồi quy Bayesian cho thấy, tỷ lệ chấp nhận trung bình (Avg acceptance rate) là 0.9321. Hiệu quả nhỏ nhất (Avg efficiency: min) vượt mức cho phép là 0.074 mô hình trên đều đạt yêu cầu.

Bảng 2 cho thấy, MCSE tiến về 0 và MCSE đều nhỏ hơn 5%. Điều này chứng tỏ mô hình với chuỗi MCMC đạt được mức tối ưu và đảm bảo điều kiện về tính vững (Flegal và cộng sự, 2008).

Kết quả thực nghiệm tại Việt Nam

Dựa trên kết quả hồi quy Bayes với dữ liệu các nước trên thế giới, tác giả sử dụng kết quả nghiên cứu này làm thông tin tiên nghiệm để thực hiện hồi quy với dữ liệu của Việt Nam.



BẢNG 1: MÔ TẢ CÁC BIẾN SỬ DỤNG TRONG MÔ HÌNH VÀ KÌ VỌNG

Ký hiệu	Tên biến	Cách đo lường	Nghiên cứu	Nguồn dữ liệu	Kỳ vọng
Biến phụ thuộc					
SDGI	Phát triển bền vững	Tích hợp 17 chỉ tiêu phát triển bền vững. Lấy phần trăm tăng trưởng (%)	Trần Thị Kim Oanh và cộng sự (2023)	SDGIINDEX.ORG	
Biến độc lập					
FDI	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	FDI ròng trên GDP (%)	Samour và cộng sự (2022); Yue (2016)	WB	+
Biến kiểm soát					
RD	Phân cấp thu	(Doanh thu riêng)/(Tổng doanh thu chính phủ)	Lledó và cộng sự (2022)	IMF	+
ED	Phân cấp chi	(Nguồn chi riêng)/(Tổng chi chính phủ)	Lledó và cộng sự (2022)	IMF	+
VIF	Sự mất cân bằng phân cấp	1- (Nguồn thu riêng)/(Chi riêng)	Lledó và cộng sự (2022)	IMF	-
FD	Phát triển tài chính	Dựa trên 105 chỉ số riêng lẻ trong GFDD và 46 chỉ số FinStats, các chuyên gia đã xây dựng những chỉ số phụ FID, FIA, FIE, FMD, FMA, FME, FI, FM, và tổng hợp thành chỉ số FD tổng.	Čihák và cộng sự (2012)	IMF	+
TAX	Doanh thu thuế	Doanh thu thuế/GDP (%)	Okey (2013)	WB	+
GDP	Tăng trưởng kinh tế	Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế hàng năm (%)	Adrangi và Kerr (2022)	WB	+
INF	Lạm phát	Tỷ lệ tăng trưởng CPI hàng năm (%)	Girdzijauskas và cộng sự (2022)	WB	-
POP	Tăng trưởng dân số	Tỷ lệ tăng trưởng dân số hàng năm (%)	Abel và cộng sự (2016)	WB	-
OPEN	Độ mở thương mại	Tổng số xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ trên GDP (%)	Sheikh và cộng sự (2020)	WB	+
UN	Tỉ lệ thất nghiệp	Tổng số lực lượng lao động thất nghiệp trên tổng số lực lượng lao động (%)	Xinying và cộng sự (2019)	WB	-
RQ	Chất lượng thể chế	Tính theo 6 chỉ tiêu chính (tiếng nói và trách nhiệm giải trình; ổn định chính trị và không có bạo lực/ khủng bố; hiệu quả của chính phủ; chất lượng quy định; pháp quyền; kiểm soát tham nhũng)	Kraipornsak (2018)	WB	+

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Để đảm bảo suy luận Bayes dựa trên mẫu chuỗi Markov – Monte Carlo (MCMC) là hợp lý, nhóm tác giả đã kiểm định sự hội tụ của MCMC của các ước tính tham số thông qua chẩn đoán trực quan bằng đồ thị. Kết quả chẩn đoán hội tụ cho thấy, tất cả các đồ thị của tham số trong mô hình khá hợp lý, các biểu đồ dấu vết và biểu đồ tương quan cho thấy mối tự tương quan thấp; hình dạng của biểu đồ là đồng nhất, và có hình dạng phân phối chuẩn.

Kết quả hồi quy Bayes tại Việt Nam tại Bảng 3 cho thấy, FDI tác động tiêu cực đến phát triển bền

vững. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm ủng hộ cho quan điểm Việt Nam là quốc gia “ẩn giấu ô nhiễm”. Trong giai đoạn 2005-2022, thu hút vốn FDI bởi những lợi thế cạnh tranh liên quan tới chi phí xử lý chất thải và các vấn đề về môi trường. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp FDI chưa tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường khi đầu tư, sản xuất - kinh doanh vào Việt Nam. Các doanh nghiệp FDI đầu tư vào Việt Nam về cơ bản có trình độ công nghệ sản xuất trung bình, tiêu tốn nhiều tài nguyên thiên nhiên, lượng phát thải lớn, một số doanh nghiệp FDI đã gây ra sự cố



BẢNG 2: KẾT QUẢ HỒI QUY BAYESIAN

Biến phụ thuộc: SDGI

Biến độc lập	Trung bình	MCSE
FDI	-0.0020	0.0000
	[-0.0072; 0.0029]	
ED	0.4206	0.0000
	[0.0863; 0.7734]	
RD	0.4418	0.0017
	[-0.6365; 0.7734]	
VFI	-0.3166	0.0038
	[-1.0961; 0.4218]	
FD	-0.2804	0.0016
	[-0.6365; 0.0076]	
TAX	-0.0040	0.0000
	[-0.0138; 0.0057]	
GDP	0.0034	0.0000
	[-0.0089; 0.0158]	
OPEN	-0.0004	0.0000
	[-0.0016; 0.0011]	
INF	-0.0077	0.0000
	[-0.0181; 0.0022]	
UN	-0.0074	0.0000
	[-0.0156; 0.0016]	
RQ	-0.074	0.0000
	[-0.1478; -0.0060]	
POP	-0.0161	0.0003
	[-0.0767; 0.0436]	
C	0.6241	0.0000
	[0.3146; 0.9425]	
Avg acceptance rate	0.9321	
Avg efficiency: min	0.0743	

Nguồn: Kết quả từ phần mềm Stata 17.0

môi trường nghiêm trọng, làm biến đổi hệ sinh thái, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, an sinh xã hội trên địa bàn.

Về chuyển giao công nghệ, hiệu quả chuyển giao công nghệ từ các dự án FDI nói chung không được như mong đợi của nhà hoạch định chính sách. Các dự án FDI chủ yếu tập trung vào lắp ráp, gia công, tỷ lệ nội địa hóa còn thấp, giá trị tạo ra tại Việt Nam không cao. Doanh nghiệp FDI chưa tạo được mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp Việt Nam để cùng tham gia chuỗi giá trị, chưa thúc đẩy được công nghiệp hỗ trợ phát triển. Do đó, việc chuyển giao công nghệ

xanh, sạch cho các doanh nghiệp nội địa trong nước cũng chưa đạt kết quả đáng kể.

Kết luận và khuyến nghị

Kết luận

Nghiên cứu sử dụng phương pháp Bayes với dữ liệu các quốc gia trên thế giới để đưa ra kết luận về tác động của của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển bền vững. Sau đó, kết quả nghiên cứu trên được chọn làm thông tin tiên nghiệm để hồi quy mô hình với dữ liệu Việt Nam giai đoạn 2005-2022. Kết quả hồi quy mô hình nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy, FDI có tác động ngược chiều đến phát triển bền vững (SDGI) với xác suất 65.33%.

Tương tự, các biến kiểm soát mất cân bằng phân cấp tài khóa (VIF), phân cấp chi tài khóa (ED), phát triển tài chính (FD), tăng trưởng kinh tế (GDP), tỷ lệ thất nghiệp (UN), chất lượng thể chế (RQ) và tốc độ tăng dân số (POP) cũng cho ra kết quả tác động âm đến phát triển bền vững. Ngược lại, các biến phân cấp thu tài khóa (RD), doanh thu thuế (TAX), lạm phát (INF) và độ mở thương mại (OPEN) có tác động thuận chiều với phát triển bền vững.

Khuyến nghị

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị sau:

Thứ nhất, cần thiết lập một hướng dẫn chiến lược nhất quán để khuyến khích đầu tư hỗ trợ phát triển bền vững. Điều này bao gồm việc phát triển một khung chính sách toàn diện nhằm thu hút FDI chất lượng, chủ yếu liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững. Ngoài ra, cần có quy trình thực thi chính sách liên tục và hiệu quả, bao gồm việc giám sát và đánh giá dựa trên tiêu chí rõ ràng và căn cứ vào 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs).

Thứ hai, cần điều chỉnh và cập nhật khung pháp lý và chính sách trong nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực năng suất và đổi mới, chất lượng và kỹ năng công việc, bình đẳng giới và khử cacbon, để kết hợp với các mục tiêu đầu tư bền vững. Các văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư cần được cập nhật và điều chỉnh một cách cẩn thận, sau một quá trình tham vấn rộng rãi, nhằm đảm bảo sự đồng thuận giữa các bên liên quan, bao gồm nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp trong nước, và các cơ quan quản lý.

Thứ ba, các chính sách ưu đãi với các biện pháp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật nên được tập trung đặc



BẢNG 3: KẾT QUẢ HỒI QUY BAYESIAN

Biến phụ thuộc: SDGI

Biến độc lập	Trung bình	MCSE	Xác suất
FDI	-0.0837 [-0.5211; 0.3549]	0.0021	0.6533
ED	-2.0805 [-20.0873; 16.1584]	0.0910	0.5891
RD	3.0591 [-15.2423; 21.5749]	0.0942	0.6308
VFI	-2.8387 [-14.7362; 9.2455]	0.0588	0.6846
FD	-0.8606 [-12.7323; 10.8319]	0.0599	0.5574
TAX	0.2107 [-0.1895; 0.5860]	0.0020	0.8748
GDP	-0.1336 [-0.0580; 0.2467]	0.0018	0.7712
OPEN	0.0063 [-0.0440; 0.0556]	0.0002	0.6129
INF	0.0086 [-0.1177; 0.1349]	0.0060	0.5597
UN	-0.2365 [-1.9585; 1.4994]	0.0089	0.9611
RQ	-2.6192 [8.67435; 3.4338]	0.0305	0.8134
POP	-0.0161 [-0.0767; 0.0436]	0.0003	0.6768
C	-2.6558 [-15.2110; 9.7630]	0.0638	
Avg acceptance rate		0.8153	
Avg efficiency: min		0.1798	

Nguồn: Kết quả từ phần mềm Stata 17.0

biệt cho nhà đầu tư nước ngoài khi họ đầu tư vào các ngành lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững hoặc tạo ra giá trị gia tăng cao, nhằm khuyến khích và thúc đẩy quá trình chuyển đổi ngành lĩnh vực đầu tư theo hướng phát triển bền vững. Quá trình hỗ trợ này cần đảm bảo sự minh bạch và đánh giá thường xuyên về chất lượng và hiệu quả của các dự án.

Tài liệu tham khảo:

- Abel, G. J., Barakat, B., Kc, S., & Lutz, W. (2016), *Meeting the Sustainable Development Goals leads to lower world population growth. Proceedings of the National Academy of Sciences*, 113(50), 14294-14299;

- Adrangi, B., & Kerr, L. (2022), *Sustainable development indicators and their relationship to GDP: Evidence from emerging economies. Sustainability*, 14(2), 658;
- Ayamba, E. C., Haibo, C., Abdul-Rahaman, A.-R., Serwaa, O. E., & Osei-Agyemang, A. (2020), *The impact of foreign direct investment on sustainable development in China. Environmental Science and Pollution Research*, 27, 25625-25637;
- Burlea-Schiopoiu, A., Brostescu, S., & Popescu, L. (2023), *The impact of foreign direct investment on the economic development of emerging countries of the European Union. International Journal of Finance & Economics*, 28(2), 2148-2177;
- Campos, N. F., & Kinoshita, Y. (2002), *When is FDI good for growth? A First Look at the Experience of the Transition Economies (No. 438). Working Paper*;
- Čihák, M., Demirgüç-Kunt, A., Feyen, E., & Levine, R. (2012), *Benchmarking financial development around the world. World Bank Policy Research Working Paper*, 6175(10.1596), 1813-9450;
- Girdzijauskas, S., Streimikiene, D., Griesiene, I., Mikalauskiene, A., & Kyriakopoulos, G. L. (2022), *New approach to inflation phenomena to ensure sustainable economic growth. Sustainability*, 14(1), 518;
- Guo, S., Wen, L., Wu, Y., Yue, X., & Fan, G. (2020), *Fiscal decentralization and local environmental pollution in China. International Journal of Environmental Research and Public Health*, 17(22), 8661;
- Kostakis, I., Lolos, S., & Sardianou, E. (2017), *Foreign direct investment and environmental degradation: further evidence from Brazil and Singapore. Journal of Environmental Management & Tourism*, 8(1 (17)), 45;
- Kraipornsak, P. (2018), *Good governance and economic growth: An investigation of Thailand and selected Asian countries. Eurasian Journal of Economics and Finance*, 6(1), 93-106;
- Okey, M. K. N. (2013), *Tax revenue effect of foreign direct investment in West Africa. African Journal of Economic and Sustainable Development*, 2(1), 1-22;
- Rahaman, A., & Chakraborty, S. (2015), *Effects of foreign direct investment on GDP: Empirical evidence from developing country. Advances in Economics and Business*, 3(12), 587-592;
- Samour, A., Baskaya, M. M., & Tursoy, T. (2022), *The impact of financial development and FDI on renewable energy in the UAE: a path towards sustainable development. Sustainability*, 14(3), 1208;
- Sheikh, M. A., Malik, M. A., & Masood, R. Z. (2020), *Assessing the effects of trade openness on sustainable development: evidence from India. Asian Journal of Sustainability and Social Responsibility*, 5(1), 1-15;
- Xinying, J., Oppong, S., & Vitenu-Sackey, P. A. (2019), *The Impact of Personal Remittances, FDI and Exports on Economic Growth: Evidence from West Africa. European Journal of Business and Management*, 11(23), 24-32;
- Yue, C. S. (2016), *Globalization and Regionalization: Singapore's Trade and FDI. In Singapore's Economic Development: Retrospection and Reflections (pp. 169-194): World Scientific.*

Thông tin tác giả:

Nguyễn Bình Minh - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
Cao Tấn Huy - Trường Đại học Tài chính – Marketing
Email: Nguyenbinhminh.stc@gmail.com, caohuy@ufm.edu.vn